

Hồ sơ ứng tuyển

Application

Cửa Hàng Bán Xe Và Dịch Vụ Do Honda Ủy Nhiệm/ *Honda Exclusive*
Authorized Dealer (Effective from 1 Dec 2023)

Xin quý vị vui lòng điền vào mẫu hồ sơ này và gửi tới:
Bộ Phận Phát Triển Đại Lý – Phòng Quản Lý Đại Lý Xe Máy.
Công ty Honda Việt Nam, Văn Phòng Đại diện Hà Nội
Tầng 7, Tòa Nhà Viet Tower, số 01 Thái Hà,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại: 02462777260

Please fill in and send this form to:
MC Dealer Development Section. – MC Dealer Management Department
Honda Vietnam Co., Ltd, Ha Noi Representative Office
7th Floor, Viet Tower building, 01 Thai Ha, Dong Da, Ha Noi
Tel : 02462777260

Mong quý vị vui lòng trả lời hết các câu hỏi bằng cách đánh dấu vào những ô “☐” và viết câu trả lời vào những chỗ “_____”. Chúng tôi rất hân hạnh được hợp tác với quý vị trong tương lai.
Thông tin chỉ được quản lý và sử dụng cho việc đề cử ứng viên đại lý Honda

Please kindly answer to all the questions by marking at “☐” or fill in “_____”. We look forwards to cooperating with you in the future.
Your information will be strictly used and controlled for the process of Honda dealership nomination only.

A. Thông tin ứng viên / *Candidate Profile:*

1. Thông tin cá nhân / *Personal information:*

Tên người đứng đơn/ *Name of Applicant:* _____ Chức vụ/ *Titled:* _____
Địa chỉ thường trú/ *Address:* _____
Số điện thoại/ *Tel:* _____ Fax: _____
Ngày tháng năm sinh/ *Date of Birth:* _____ Giới tính/ *Gender:* _____
Trình độ/ *Education:* _____
Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xe máy/ *Experience years in motorcycle business:* _____ (năm/year)

2. Thông tin Doanh nghiệp / *Business information:*

Tên công ty hoặc tổ chức phụ trách/ *Name of Company or Organization in charge:* _____

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* _____
Số điện thoại/ *Tel:* _____ Website: _____
Di động/ *Mobile:* _____ Email: _____
Thời gian thành lập/ *Established in:* _____ Số GPKD/ *Business license No:* _____

Tổng số vốn/ *Total capital*: _____ VNĐ (= _____ *USD*);
Trong đó/ *of which* _____ % Nhà nước/ *State* _____ % Cá nhân/ *Private* _____ % Khác/ *Others*

Ngành nghề kinh doanh chính/ *Main Business*:

<i>TT/ No.</i>	<i>Ngành nghề/ Field</i>	<i>Doanh thu năm/ Annual Revenue</i>	<i>Tỷ trọng/ Ratio</i>	<i>Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu (profit/ revenue):</i>

Triết lý kinh doanh của doanh nghiệp/ *Business philosophy*: _____

Tổng số cơ sở kinh doanh hiện tại/ *Total quantity of current business premise*: _____ (cơ sở/ *premise*)
Liệt kê cơ sở hiện có/ *Listed current premise*:

3. Thông tin kinh doanh xe máy/ *Motorcycle business*:

*Nếu đang kinh doanh xe gắn máy xin vui lòng cho biết/ *If conducting M/C business, please specify*
Là đại lý chính thức của các hãng sau/ *on doing business with*:

<i>Hãng/ Brand</i>	Honda	Yamaha	Suzuki	Piaggio	Vinfast	Khác/ <i>Other</i>
<i>Số cửa hàng/ No. of shop</i>						

Liệt kê cửa hàng xe máy hiện có/ *Listed Motorcycle shop*:

Số nhân viên hiện đang kinh doanh xe máy/ *Number of employees in M/C business*: _____ nhân viên/ *staff*
Trong đó/ *in which*

<i>Quản lý/ Manager</i>	<i>Bán hàng/ Sales</i>	<i>Dịch vụ/ Service</i>	<i>Phụ tùng/ Spare Parts</i>	<i>LXAT/ Safety Driving</i>	<i>Khác/ Others</i>

Tổng số lượng xe bán trong 2 năm gần đây/ *Total annual sales of Motorcycle for recent 2 years*:

	2	
--	---	--

4. Thông tin khác/ other information:

“Người Có Liên Quan”: thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc (ví dụ như (tổng) giám đốc/phó (tổng) giám đốc), thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Trưởng và Phó Trưởng phòng bán hàng, nhân viên hoặc cổ đông, thành viên góp vốn của Đối Tác Kinh Doanh và những người có liên quan khác.

“Related Person”: *member of the board of directors, a member of the members’ council, a member of the Board of Executives (e.g., (general) director, deputy (general) director) or a member of the Inspection Committee, Chief Accountant, Chief Financial Officer, manager or assistant manager of the sale department, staff, shareholder or capital contributing member of the Business Partner and other related persons.*

- a. Chủ Doanh nghiệp, hoặc người quản lý, người có liên quan, cổ đông là Công chức.
Owner, or managers, shareholders is officers?

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

Nếu có, hãy cung cấp các thông tin liên quan theo yêu cầu tại bảng dưới đây.

If yes, please provide the relevant information requested in the table below.

No. (Stt)	Họ tên Chủ Doanh nghiệp, hoặc người quản lý, cổ đông (Full name of owner or managers, shareholders)	Chức vụ/vị trí trong Công ty (Position in Company)	Số cổ phần/tỷ lệ sở hữu phần vốn góp trong Công ty (Number of shares/capital in company)	Tên của cơ quan nhà nước đang làm việc (Name of State Agencies at which owner is working)	Chức vụ/vị trí trong cơ quan nhà nước (Position in State Agencies)	Ghi chú (Remark)
1						
2						
...						

- b. Chủ Doanh nghiệp, hoặc người quản lý, người có liên quan, cổ đông có mối quan hệ với Công chức (dưới bất cứ hình thức nào hay không)

Owner or managers, shareholders have relationship with local authority officer?

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

Nếu có, hãy cung cấp các thông tin liên quan theo yêu cầu tại bảng dưới đây.

If yes, please provide the relevant information requested in the table below.

Stt (No)	Họ tên Chủ Doanh nghiệp, hoặc người quản lý, cổ đông (Full name of owner or managers, shareholders)	Chức vụ/vị trí trong Công ty (Position in Company)	Số cổ phần/tỷ lệ sở hữu phần vốn góp trong Công ty (Number of shares/capital in company)	Họ tên của Công chức (Full name of officers)	Ghi rõ mối quan hệ với Công chức (Description of relation)	Chức vụ/vị trí trong Công ty (Position in Company)	Tên của cơ quan nhà nước đang làm việc (Name of State Agencies)	Chức vụ/vị trí trong cơ quan nhà nước (Position in State Agencies)	Ghi chú (Remark)
1									
2									
...									

- c. Chủ Doanh nghiệp hoặc bất kì cấp quản lý nào trong Doanh nghiệp có tiền án tiền sự hoặc danh tiếng xấu.

Owner or any management level of company have a criminal record or bad reputation.

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

Nếu có, hãy cung cấp các thông tin liên quan theo yêu cầu tại bảng dưới đây.

If yes, please provide the relevant information requested in the table below.

No. (Stt)	Họ tên của người có tiền án tiền sự hoặc tiếng xấu (Full name of people have criminal record or bad reputation)	Chức vụ tại Công ty (Position in Business Partner)	Số cổ phần/tỷ lệ sở hữu phần vốn góp trong Công ty (Number of shares/capital in company)	Chi tiết tiền án tiền sự hoặc tiếng xấu (detail of criminal record or bad reputation)	Ghi chú (Remark)
1					
2					
...					

- d. Chủ Doanh nghiệp hoặc bất kì cấp quản lý nào trong Doanh nghiệp, người có liên quan có mối quan hệ với giám đốc, quản lý, nhân viên và chuyên gia nước ngoài của HVN (dưới bất cứ hình thức nào hay không).

Owner or any management of company have relationship with directors, managers, staff or foreign expert of HVN.

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

Nếu có, hãy cung cấp các thông tin liên quan theo yêu cầu tại bảng dưới đây.

If yes, please provide the relevant information requested in the table below.

No. (Stt)	Họ tên Chủ Doanh nghiệp, hoặc người quản lý, cổ đông có quan hệ (Full name of owner or managers, shareholders)	Chức vụ/vị trí trong Công ty (Position in Company)	Số tỷ lệ sở hữu phần vốn góp trong Công ty (Number of shares in company)	Tên nhân viên của HVN có liên quan đến Công ty (Name HVN staff)	Mã nhân sự tại HVN (Code in HVN)	Ghi rõ mối quan hệ (Relations hip description)	Chức vụ tại Công ty (Position in Business Partner)	Chức vụ tại HVN (Position in HVN)	Số cổ phần/tỷ lệ sở hữu phần vốn góp trong Công ty (Number of shares/capital in company)	Ghi chú (Remark)
1										
2										
...										

- e. Có con ruột tham gia kinh doanh (đã tốt nghiệp và đang tham gia kinh doanh)/
Next generation involve in business (already graduated university and start working):
☐ Có/ Yes ☐ Không/ No

Thông tin cụ thể (nếu có)/ *Detail (if any):*

Họ tên/ *name:* _____; Năm sinh/ *DOB:* _____

Trường ĐH (CĐ hoặc khác)/ *University (colleague or other):* _____; Năm tốt nghiệp/ *graduated year:* _____

Kinh nghiệm/ *experience:* _____ năm/ *year(s)*; Vị trí/ *position:* _____

B. Kế hoạch cho đầu tư kinh doanh đối với HEAD / *Investment and Business Plan for HEAD:*

1. Địa điểm đề xuất chuyển địa điểm HEAD/ *Proposed location for new location of HEAD:*

Chi tiết địa chỉ đề xuất/ *Address of proposal location in detail:*

Sở hữu/ *Ownership:*

☐ Tài sản riêng/ *Owned* ☐ Thuê/ *Rented* _____ năm/ *year(s)* ☐ Khác/ *Others*

Đặc điểm vị trí/ *Feature of Location:*

☐ Một chiều/ *One way* ☐ Hai chiều/ *Two way*
☐ Một mặt tiền/ *One frontage* ☐ Góc phố, hai mặt tiền/ *Corner, two frontage*

Khu vực/ *Area:*

☐ Dân cư/ *Residential* ☐ Thương mại/ *Commercial* ☐ Công nghiệp/ *Industrial*

6

_____ VND (= _____ USD)
(Bằng chữ/Say: _____)

3. Số lượng nhân viên dự kiến cho cửa hàng/ *Estimated the total staff for operating HEAD:*
_____ nhân viên/ staff. Trong đó/ in which:

Quản lý/ <i>Manager</i>	Bán hàng/ <i>Sales</i>	Dịch vụ/ <i>Service</i>	Phụ tùng/ <i>Parts</i>	LXAT/ <i>Safety driving</i>	Khác/ <i>Other</i>

4. Dự kiến số xe bán, doanh thu dịch vụ và bán phụ tùng tại thị trường/
Estimated the Number of motorcycle sale, customer of service and spare part sale:

Bán xe/ *Sale*: _____ tháng/ *month*

Dịch vụ/ *Service*: _____ VND (= _____ USD) tháng/ *month*

Phụ tùng/ *Spare Part*: _____ VND (= _____ USD) tháng/ *month*

5. Đề xuất đặc biệt cho HVN (nếu có)/ *Other special offer to HVN (if any)*

C. Thông tin thị trường cho địa điểm mới đề xuất / *Market information for new location of HEAD:*

1. Số lượng cửa hàng xe máy tại quận hoặc huyện tại nơi nộp hồ sơ địa điểm mới của HEAD/
Number of MC shop located at district where applied to new location of HEAD:

Hãng/ <i>Brand</i>	Honda	Yamaha	Suzuki	Piaggio	Vinfast	Khác/ <i>Other</i>
Số cửa hàng/ <i>No. of shop</i>						

2. Dung lượng thị trường trung bình 01 tháng của quận hoặc huyện nơi nộp hồ sơ địa điểm mới của HEAD / *Average market size per month at the district of HEAD's new location application:*
_____ xe/ *units*

Hãng/ <i>Brand</i>	Honda	Yamaha	Suzuki	Piaggio	Vinfast	Khác/ <i>Other</i>
Tỉ trọng/ <i>ratio</i>	-----%	-----%	-----%	-----%	-----%	-----%

D. GHI CHÚ / NOTE:

HVN hoàn toàn không chịu trách nhiệm về mọi giao dịch giữa **Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Quảng Nam – Đà Nẵng** và Quý Doanh nghiệp, Công ty.

*HVN have no responsibility for all the transaction between **Quang Nam – Da Nang Trading One-member Co., Ltd** & Candidates.*

Ứng viên cam kết về việc sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của **HEAD Datraco #3** với HVN và với khách hàng,

*Candidates commit to succeed all the rights, responsibility and obligation of **HEAD Datraco #3** with HVN and the obligation to customer;*

Honda Việt Nam sẽ không có nghĩa vụ và trách nhiệm gì đối với tình trạng sử dụng đất cũng như bất cứ chi phí đặt cọc/ hay chi phí nào liên quan đến việc mua hoặc chuyển quyền sử dụng đất của người / bên nộp đơn ứng cử chuyển nhượng HEAD/ *Honda Vietnam shall not have any obligation for about land using status as well as the deposit and / or the expenses related to the land purchasing, land using right transferring of applicant;*

Honda Việt Nam có quyền từ chối những bộ hồ sơ không hợp lệ mà không cần thông báo rõ lý do. Ứng viên đảm bảo những thông tin cung cấp cho HVN là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin này/ *Honda Vietnam has right to refuse the inadequate application without any explanation. The applicant hereby commits to take responsibility for accuracy and truth of all given information.*

_____ Ngày/ date _____ tháng/ month _____ năm/ year _____

Người nộp đơn ký tên và đóng dấu/ *Applicant's stamp and signature*

Phụ Lục I/ Appendix I

HỒ SƠ YÊU CẦU/ *REQUIRED DOCUMENT*:

1. Ảnh chân dung Chủ đầu tư hoặc Giám đốc/ *The portrait photo of Investor or Director*
2. Bản sao chứng minh thư hoặc hộ chiếu có chứng thực trong vòng 3 tháng gần nhất/ *Notarized copy of ID card or passport within latest 3 months (*)*
3. Lý lịch của cá nhân và cổ đông (nếu có) góp vốn trong GPKD (có chứng nhận của chính quyền địa phương)/ *Personal prospectus and shareholder's prospectus (if any) listed in Business License (certified by local authority) (*)*
4. Bản sao chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng 3 tháng gần nhất / *Notarized copy of land using ownership within latest 3 months (*)*
5. Trích lục bản đồ lô đất đề xuất mới nhất (có chứng nhận của chính quyền địa phương)/ *Proposal land plot map extract (certified by local authority) (*)*
6. Hợp đồng thuê đất hay giấy cam kết cho thuê của chủ đất có **công chứng** của chính quyền địa phương (bao gồm tài sản trên đất)/ *Authenticated land contract or commitment letter for rent of land. (include assest on land) (*)*
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty có chứng thực trong vòng 3 tháng gần nhất/ *Notarized of enterprise registration certificate within latest 3 months (*)*
8. Hình các địa điểm kinh doanh của công ty/ *Image of all shops or register business location (*)*
9. Bản đồ của lô đất/ *Locality map of the site (*)*
10. Hình ảnh của lô đất (phía trước, 2 ảnh hai bên và ảnh nhìn từ phía lô đất ra) / *Site's photos (01 frontage, 01 of each side of roads, 01 looked from location) (*)*
11. Bản vẽ thiết kế địa điểm mới của HEAD/ *Design of HEAD at new location (*)*
12. Bản kế hoạch kinh doanh cho thị trường tại khu vực đề xuất địa điểm mới (tham khảo Phụ lục II)/ *Business plan for proposal market (refer to Appendix II): (*)*
13. Báo cáo tài chính (bảng cân đối tài chính, lợi nhuận và lỗ) của công ty trong 2 năm gần nhất/ *Financial reports (Profit & Loss statement, Balance Sheet) of company in the last 2 years (*)*
14. Hình ảnh bằng khen hoặc chứng nhận cho thành tích hoạt động của doanh nghiệp / *Image of certificate for company achievement*
15. Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của công ty / *Evidence for company financial ability (*)*
16. Báo cáo chi tiết doanh thu từ dịch vụ, phụ tùng hoặc các hoạt động hậu mãi trong một năm gần nhất/ *Report on revenue from MC service and spare part or from after sale services in a recent year.*
17. Báo cáo kiểm toán độc lập (nếu có) / *Independent audit report (if any)*

Lưu ý:

- Ứng viên đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nêu trong hồ sơ
Candidates gurantee and take responsibility on accuracy of contents in the documents
- Các hồ sơ đánh dấu sao (*) là **yêu cầu bắt buộc** (Mẫu hồ sơ đăng ký này cũng là yêu cầu bắt buộc)

Documents mark () are **MUST required** (This Application also is required)*

- Hồ sơ các ứng viên **không đáp ứng yêu cầu trên sẽ bị coi là không hợp lệ**

*Candidate's document **which not meet above requirement will be consider as disqualify***

Phụ Lục II/ *Appendix II*

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ HOẠCH KINH DOANH CHO THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN – HUẾ

Basic content for business plan for Hue City, Thua Thien - Hue Province

Ứng viên cần đưa ra đề xuất cho kế hoạch kinh doanh dựa theo các hạng mục như sau:

1. **Kinh Tế/ *economics***
 - Cung cấp những chỉ số chính về thị trường mục tiêu/ *Main index of the target market's economic*
 - Phân tích xu hướng phát triển kinh tế/ *Analyze trend of economic development*
2. **Dân Số/ *Population***
 - Cung cấp số liệu chính về dân số ở thị trường mục tiêu (số lượng, mật độ, tuổi, giới tính...)/
Provide main figure of the target market's population (quantity, density, age, gender..)
 - Phân tích xu hướng phát triển dân số/ *Analyze trend of population development.*
3. **Hành vi khách hàng/ *Customer behavior***
 - Nhân khẩu học khách hàng của thị trường mục tiêu/ *Target market's customer demographic*
 - Thói quen, sở thích, mong muốn, nhu cầu của khách hàng/ *Customer's habit, interest, desire, demand*
4. **Mạng lưới bán hàng xe máy và đối thủ cạnh tranh/ *MC network & competitor***
 - Mạng lưới bán hàng xe máy hiện tại tại thị trường mục tiêu/ *Current MC network in target market*
 - Tình hình thị trường xe máy (dung lượng, thị phần theo từng hãng, từng loại xe...)/ *MC market situation (market size, contribution by manufacture/ type...)*
 - Nhận biết đối thủ cạnh tranh (Tên, địa điểm, năng lực bán hàng, quy mô...)/ *Recognize the competitor (name, location, sale power, size)*
5. **Mục tiêu bán hàng và dịch vụ/ *Sales and service target***
 - Mục tiêu về số bán, thị phần, số khách hàng tới làm dịch vụ, doanh thu dịch vụ và phụ tùng (cần liên kết với các phân tích ở trên)/ *Sale/share/ Service visit/ part revenue target (need linkage with above analysis)*
6. **Kế hoạch hoạt động để đạt mục tiêu/ *Action to achieve target***
 - Có kế hoạch hành động cụ thể để đạt được mục tiêu trên/ *Have concrete action to achieve above target*
7. **Nhân sự/ *Manpower***
 - Lập kế hoạch chi tiết nhu cầu nhân lực cho cửa hàng mới, đặc biệt là quản lý cửa hàng/ *Plan details manpower need for new shop business, especially shop manager.*

8. **Chiến lược tài chính/ *Financial strategy***

- Kế hoạch tài chính cụ thể với lãi, lỗ ước tính và điểm hòa vốn/ *Concrete financial plan with estimate profit/ loss and ROI*

Phụ Lục III/ *Appendix III*

YÊU CẦU CHI TIẾT CHO VỊ TRÍ ĐỀ XUẤT CHUYỂN ĐỊA ĐIỂM HEAD

Detail requirement for proposal location of re-location HEAD

Ứng viên cần đưa ra đề xuất địa điểm mới của HEAD dựa trên các tiêu chí sau:

1. Diện tích được phép xây dựng tối thiểu: 240m² (mặt tiền đường chính tối thiểu 15m); /*Minimum permitted construction area: 240m² (minimum main road frontage 15m);*
 2. Có thể xây dựng tối thiểu 2 tầng; /*Can build at least 2 floors;*
 3. Mục đích sử dụng đất: Đất ở hoặc đất thương mại dịch vụ; /*Land use purpose: Residential land or commercial service land;*
 4. Quyền sử dụng đất: Sở hữu hoặc có hợp đồng thuê tối thiểu 5 năm; /*Land use rights: Own or have a minimum 5-year lease contract;*
 5. Công trình xây dựng phải được phép hoạt động ít nhất 5 năm (không bị ảnh hưởng bởi các quy hoạch); /*Construction works must be allowed to operate for at least 5 years (not affected by planning)*
 6. Diện tích được phép xây dựng tối thiểu phải tuân theo giới hạn về mật độ xây dựng tối đa đối với từng thửa đất đề xuất theo quy định của pháp luật. / *Minimum permitted construction area must to follow the limitation of the maximum construction density according to laws regulations.*
 7. Loại trừ tất cả các khu vực bị hạn chế quyền sử dụng đất/công trình trên đất hoặc quyền xây dựng trên đất như: / *Exclude all areas which are restricted about rights to use land/construction on land or rights to construct on land such as:*
- Đất nằm trong khu vực phải chuyển mục đích sử dụng **hoặc** thu hồi theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện;
Land located in an area must to change of land use purpose or land recovery according to the district's annual land use plan;
 - Đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình và công trình nếu được xây dựng trên đất sẽ gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình hoặc lấn chiếm hành lang bảo vệ;
The land is located in the safety protection corridor of the construction and if the construction is built on land, it will hinder the safety protection of the construction or encroach on the protection corridor
 - Đất bị hạn chế quyền sử dụng, trong đó có nội dung cụ thể hạn chế về xây dựng công trình trên đất trong hồ sơ địa chính;
Land with restricted use rights, including specific restrictions on construction of works on the land in cadastral dossiers
 - Đất hoặc tài sản trên đất đang có tranh chấp và đã được Tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (ví dụ Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp), trong đó có nội dung cấm xây dựng, thay đổi hiện trạng, hoặc sử dụng đất hoặc tài sản trên đất;
Land or assets on land are in dispute and a competent Court has issued a decision to apply temporary emergency measures (for example, prohibiting changes to the current status of disputed assets), including content that prohibits construction, change of status quo, or use of land or assets on land;
 - Đất nằm trong khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống, trừ trường hợp công trình xây dựng trên đất để khắc phục những hiện tượng này;
Land located in areas that have been warned about the risk of landslides, flash floods, and pipe floods, except in cases where works are built on land to overcome these phenomena;

- Đất không thuộc phạm vi quy hoạch xây dựng (ví dụ đất thuộc khu vực cấm xây dựng, không nằm trong chỉ giới xây dựng, vượt quá chỉ giới đường đỏ, đất trong khu vực sử dụng chung); các công trình kiến trúc trên diện tích lô đất đã đến ngưỡng mật độ xây dựng thuần; tỷ lệ tổng diện tích sàn của công trình trên tổng diện tích lô đất đã đến ngưỡng hệ số sử dụng đất.

Land not within the scope of construction planning (for example, land in prohibited construction areas, not within construction boundaries, beyond red lines, land in common use areas); Architectural works on the land lot area have reached the threshold of net construction density; The ratio of the total floor area of the building to the total area of the land plot has reached the land use coefficient threshold.
- Các trường hợp bị hạn chế quyền sử dụng đất/công trình trên đất hoặc quyền xây dựng trên đất khác theo quy định của pháp luật.

Other areas which are restricted about rights to use land/construction on land or rights to construct on land